

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *16* /2016/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày *28* tháng *4* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số nội dung về lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng thi công xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 529/TTr-SXD ngày 26/4/2016, ý kiến của các cơ quan liên quan;

Theo báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 258/BC-STP ngày 26/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Website CP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Các phòng CM VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



(Handwritten signature)
Đặng Quốc Khánh

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2016/QĐ-UBND
ngày 28/ 4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Khuyến khích các dự án sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (gọi tắt là Nghị định 32/2015/NĐ-CP), Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng (gọi tắt là Nghị định 37/2015/NĐ-CP), các Thông tư hướng dẫn về xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng, các văn bản hướng dẫn thực hiện của các bộ ngành có liên quan và Quy định này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quản lý tổng mức đầu tư

1. Lập, điều chỉnh và quản lý tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định tại Chương II, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết tại Chương II, Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

2. Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng dùng xác định tổng mức đầu tư của dự án, áp dụng theo công bố của Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng tương ứng với thời điểm lập dự án đầu tư xây dựng.

3. Thẩm định tổng mức đầu tư là một nội dung của thẩm định dự án đầu tư xây dựng. Cơ quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp, thực hiện thẩm định tổng mức đầu tư.

4. Tổng mức đầu tư phải được tính đúng, tính đủ các khoản mục chi phí cần thiết để xây dựng công trình, phù hợp với thiết kế cơ sở, các nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thời gian xây dựng dự án. Người quyết định đầu tư theo phân cấp, ủy quyền phê duyệt tổng mức đầu tư cùng với việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng. Tổng mức đầu tư được duyệt là cơ sở để quản lý chi phí của dự án và là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

5. Tổng mức đầu tư của dự án chỉ được điều chỉnh đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014. Phần giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh phải được cơ quan thẩm định tổng mức đầu tư của dự án thẩm định làm cơ sở cho việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh. Trong trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng nhưng không làm thay đổi giá trị tổng mức đầu tư xây dựng đã phê duyệt, thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư, tự tổ chức điều chỉnh, phê duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung, giá trị điều chỉnh của mình.

Điều 4. Dự toán xây dựng

Dự toán xây dựng gồm Dự toán xây dựng công trình và Dự toán gói thầu xây dựng.

1. Dự toán xây dựng công trình là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình. Nội dung và phương pháp xác định Dự toán xây dựng công trình, căn cứ theo quy định tại Mục 1, Chương III, Nghị định 32/2015/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết tại Mục 1, Chương III, Thông tư số 06/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

2. Dự toán gói thầu xây dựng gồm dự toán gói thầu thi công xây dựng, dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình, dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng và dự toán gói thầu hỗn hợp. Nội dung và phương pháp xác định Dự toán gói thầu xây dựng, căn cứ theo quy định tại Mục 2, Chương III, Nghị định 32/2015/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết tại Mục 2, Chương III, Thông tư số 06/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

3. Dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu, được lập theo thiết kế xây dựng công trình, định mức, đơn giá quy định ở Điều 5 và Điều 6 của Quy định này và hướng dẫn của Sở Xây dựng.

4. Dự toán xây dựng công trình được thẩm định và phê duyệt cùng với thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng. Thẩm quyền, thẩm định, phê duyệt, dự toán xây dựng công trình và dự toán xây dựng công trình điều chỉnh, thực hiện theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm định, phê duyệt thiết kế công trình.

5. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh và dự toán gói thầu xây dựng không vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt bao gồm cả chi phí dự phòng thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung, giá trị điều chỉnh của mình. Trong trường hợp vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt, thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

6. Dự toán xây dựng công trình được phê duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đàm phán, ký kết hợp đồng xây dựng trong trường hợp chỉ định thầu. Chủ đầu tư tổ chức xác định, cập nhật dự toán gói thầu xây dựng, thực hiện thẩm định, phê duyệt để thay thế giá gói thầu xây dựng ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt làm cơ sở để lập Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu và đánh giá lựa chọn nhà thầu xây dựng.

Điều 5. Định mức xây dựng

1. Định mức xây dựng là cơ sở để lập đơn giá xây dựng công trình, giá tổng hợp và dự toán xây dựng. Định mức xây dựng được áp dụng theo hệ thống định mức công bố của Bộ Xây dựng, của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có sự thống nhất của Bộ Xây dựng.

2. Đối với những công tác xây dựng chưa có trong hệ thống định mức đã được công bố hoặc đã có nhưng không phù hợp với điều kiện thực tế thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật của công trình, thì căn cứ vào phương pháp hướng dẫn của Bộ Xây dựng và thực tế công trình, chủ đầu tư (hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực và kinh nghiệm) lập định mức mới hoặc vận dụng định mức tương tự ở công trình khác đã được phê duyệt. Khi sử dụng định mức này để lập dự toán xây dựng, đơn giá thanh toán đối với các gói thầu áp dụng theo hình thức chỉ định thầu thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trước khi áp dụng.

Điều 6. Giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng

1. Giá xây dựng công trình là cơ sở để lập tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng.

2. Giá xây dựng công trình được lập theo đơn giá xây dựng công trình. Đơn giá xây dựng công trình được lập từ định mức kinh tế kỹ thuật nêu ở Điều 5 Quy định này và giá vật liệu xây dựng đến chân công trình, giá nhân công xây dựng, giá ca máy, giá thiết bị thi công theo công bố và các chi phí khác có liên quan, phù hợp với mặt bằng giá thị trường nơi xây dựng công trình.

3. Hệ thống đơn giá xây dựng công trình bao gồm: Đơn giá Phần Xây dựng, đơn giá phần lắp đặt, đơn giá phần khảo sát xây dựng, đơn giá sửa chữa công trình xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công do Sở Xây dựng chủ trì xây dựng và công bố áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Chỉ số giá xây dựng bao gồm chỉ số giá xây dựng theo loại công trình, chỉ số giá vật liệu chủ yếu xây dựng công trình, chỉ số giá nhân công xây dựng, chỉ số giá máy và thiết bị thi công. Chỉ số giá xây dựng do Sở Xây dựng xác định

và công bố làm cơ sở cho việc điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, giá hợp đồng xây dựng.

Điều 7. Hợp đồng xây dựng

1. Hợp đồng thực hiện các công việc trong đầu tư xây dựng công trình (gọi tắt là hợp đồng xây dựng) được xác lập bằng văn bản thoả thuận về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu. Hợp đồng xây dựng là văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

2. Hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng

3. Trong hợp đồng xây dựng, căn cứ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và điều kiện cụ thể của gói thầu để xác định hình thức giá hợp đồng phù hợp; thoả thuận về nguyên tắc điều chỉnh giá hợp đồng phù hợp với từng hình thức giá hợp đồng, bao gồm: các trường hợp điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng, trình tự, thủ tục, phạm vi, nội dung, phương pháp, cơ sở dữ liệu và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng.

4. Điều chỉnh giá hợp đồng chỉ thực hiện theo điều kiện nêu trong hợp đồng phù hợp với quy định về điều chỉnh giá hợp đồng và trong thời gian thực hiện hợp đồng đã cam kết. Trường hợp kéo dài tiến độ thi công do nguyên nhân khách quan, chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

5. Hợp đồng xây dựng không nêu cụ thể các nội dung ở Khoản 3, 4 Điều này thì không có căn cứ để thực hiện việc điều chỉnh giá hợp đồng.

Điều 8. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về lập hồ sơ đề nghị thanh toán với cơ quan cấp phát vốn đầu tư.

2. Cơ quan thanh toán vốn thực hiện việc công khai quy trình thanh toán, tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư và kiểm soát thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

3. Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định, gửi cơ quan chuyên môn về tài chính đầu tư của cấp quyết định đầu tư thẩm tra trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

4. Nội dung của thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Chương VI, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 9. Trách nhiệm về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, lập và công bố hệ thống các bộ đơn giá xây dựng công trình nêu tại Khoản 3 Điều 6 Quy định này.

c) Hướng dẫn cụ thể về lập, điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng, áp dụng định mức, đơn giá xây dựng, phương pháp xác định định mức, đơn giá xây dựng, giá vật liệu đến chân công trình, chỉ số giá xây dựng, phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng và các nội dung khác có liên quan đến lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng.

d) Thực hiện việc thẩm định để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc áp dụng đối với các định mức nêu tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

e) Chủ trì lập và công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng (quý), đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng và các loại đơn giá vật liệu xây dựng khác theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân làm cơ sở tham khảo lập dự toán xây dựng.

g) Tổ chức tập huấn hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, lập biểu cước vận tải hàng hoá bằng ô tô trên địa bàn tỉnh và mức điều chỉnh cước khi có biến động về giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố làm cơ sở lập giá vật liệu đến chân công trình.

b) Kiểm tra sự phù hợp về việc áp dụng đơn giá thanh toán các loại thiết bị lắp đặt trong công trình xây dựng thuộc gói thầu chỉ định thầu.

c) Hướng dẫn và kiểm tra cụ thể về công tác thanh toán vốn đầu tư, chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn và kiểm tra việc công bố và niêm yết giá bán vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân sản xuất cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn.

e) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra và đề xuất giải pháp bình ổn giá thị trường các loại vật liệu xây dựng chủ yếu khi có biến động bất thường về giá.

g) Tham mưu bố trí nguồn kinh phí hàng năm cho cơ quan chủ trì thực hiện công tác lập và công bố giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, sự đầy đủ đối với các nội dung quy định tại Điều 6, Điều 10, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP.

4. Quyền và nghĩa vụ của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn và nhà thầu thi công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng, thực hiện theo quy định tại Chương VII, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

5. Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu và bên nhận thầu trong hợp đồng xây dựng, thực hiện theo quy định tại Mục 4, Chương II, Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6. Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công việc tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định về quản lý chi phí tại thời điểm phê duyệt dự án. Trường hợp cần thiết phải thực hiện theo quy định tại Quy định này thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

2. Các dự án đã đầu tư chưa thực hiện hoặc đang được thẩm định thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan có liên quan nêu tại Điều 9 Quy định này, có trách nhiệm triển khai và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng; các nhà thầu tư vấn xây dựng, nhà thầu thi công xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan về quản lý chi phí đầu tư xây dựng có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc các vấn đề phát sinh, đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đặng Quốc Khánh